DỰ THẢO ÁN LỆ SỐ 15/2024[1]

ÁN LỆ SỐ …/2024/AL

Về miễn hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu trong tố tụng trọng tài

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày tháng năm 2024 và được công bố theo Quyết định số /QĐ-CA ngày tháng năm 2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Quyết định số 16/2023/QĐ-PQTT ngày 27/11/2023 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội về việc không huỷ phán quyết trọng tài giữa bên yêu cầu là Công ty TNHH T và bên liên quan là Công ty E.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 6 và 7 phần "Nhận định của Tòa án".

Khái quát nội dung của án lệ:

- Tình huống án lệ:

Bên yêu cầu có yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài với lý do Hội đồng trọng tài không yêu cầu bên liên quan hợp pháp hoá lãnh sự các giấy tờ, tài liệu lập ở nước ngoài được nộp tại Trọng tài thương mại Việt Nam.

- Giải pháp pháp lý:

Trường hợp này, Toà án phải xác định giấy tờ, tài liệu này không nhất thiết phải hợp pháp hóa lãnh sự do cơ quan tiếp nhận là Trọng tài thương mại Việt Nam không yêu cầu, trừ trường hợp quy tắc tố tụng trọng tài có quy định.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Luật Trọng tài thương mại năm 2010;

- Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính Phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.

Từ khóa của án lệ:

"Giấy tờ, tài liệu"; "Miễn hợp pháp hóa lãnh sự"; "Yêu cầu hợp pháp hoá lãnh sự"; "Cơ quan tiếp nhận không yêu cầu"; "Tố tụng trọng tài".

NỘI DUNG VỤ VIỆC

Ngày 28/5/2020, Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là bên yêu cầu) và Công ty E (sau đây gọi tắt là bên liên quan) ký Hợp đồng mua bán số 01/2020/EG-MKIIS (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 01) gồm 1.000.000 chiếc khẩu trang y tế Dr Ryan - 4 lớp TCVN8389-1: 2010 sản xuất bởi Công ty cổ

[1] Dự thảo án lệ này do Thẩm phán Hoàng Ngọc Thành, Chánh tòa Tòa Kinh tế, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đề xuất.

phần O ("O"); hợp đồng thỏa thuận về địa điểm, thời gian, hình thức giao nhận hàng hóa và phương thức thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng hai bên phát sinh tranh chấp.

Ngày 22/7/2022, bên liên quan đã khởi kiện bên yêu cầu ra Trung tâm trọng tài V để giải quyết tranh chấp phát sinh giữa hai bên.

Ngày 23/6/2023, Trung tâm trọng tài V ban hành PQTT vụ tranh chấp số 49/22 và quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bên liên quan;

- Chấp nhận yêu cầu của bên liên quan về việc hủy bỏ một phần Hợp đồng liên quan đến 600.000 chiếc khẩu trang chưa được giao;

- Bên yêu cầu phải hoàn trả cho bên liên quan toàn bộ số tiền đã thanh toán nhưng bên yêu cầu chưa giao hàng tương ứng 55.643,4 USD;

- Bên yêu cầu phải trả cho bên liên quan phí luật sư là 24.255.000 VNĐ;

- Không chấp nhận các yêu cầu khác của bên liên quan.

Không đồng ý với PQTT nêu trên, bên yêu cầu có Đơn đề nghị Tòa án hủy PQTT với các lý do là PQTT trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, cụ thể:

Căn cứ vào các quy định của Hợp đồng số 01, Phụ lục Hợp đồng số 01 đã ký kết giữa hai bên, quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán giữa hai bên, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam:

1. Hội đồng trọng tài vụ tranh chấp số 49/22 (sau đấy viết tắt là HĐTT) đã ra Phán quyết có nội dung trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam trong việc xem xét các ý kiến tự bảo vệ của bên liên quan tại các bản tự bảo vệ của bên liên quan tại PQTT vụ tranh chấp số 49/22 không đảm bảo tính khách quan, liên quan đến việc áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam trong mua bán hàng hóa như trách nhiệm phải nhận hàng của bên mua khi mua hàng quy định tại Điều 56 Luật Thương mại, tạo các điều kiện thuận tiện để nhận hàng hóa của bên mua, trách nhiệm thực hiện nghiêm túc đầy đủ nghĩa vụ bên mua theo điều 6 Hợp đồng.

- Tại các bản tự bảo vệ, tại các phiên họp Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp số 49/22, bên liên quan có ý kiến tự bảo vệ về việc yêu cầu hủy một phần hợp đồng mua bán hàng hóa là không có cơ sở vì bên liên quan đã vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam trong việc giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa. Bên liên quan đã thanh toán tiền mua hàng theo thỏa thuận nhưng khi hàng hóa tại thị trường tiêu thụ bị sụt giảm mạnh, bên liên quan đã đề xuất các phương thức giao hàng từ đường hàng không sang đường biển để giảm giá thành, đã được hai bên đàm phán, thống nhất, giao kết thông qua các

thông điệp dữ liệu điện tử theo quy định của Luật Thương mại Việt Nam, bên liên quan đã có đề nghị giảm giá không có căn cứ pháp luật, khi không được chấp nhận thì yêu cầu đòi lại tiền đã mua hàng (đã mua hàng, chưa giao được hàng do đặc tính của hàng hóa và hàng hóa phải xuất khẩu), đã thanh toán tiền cho bên bán là trái với pháp luật Việt Nam, không có cơ sở pháp lý để đòi lại tiền đã thanh toán mua hàng theo pháp luật Việt Nam.

Tuy nhiên, HĐTT vụ tranh chấp số 49/22 đã không phản ánh đầy đủ các nội dung này tại Phán quyết, các ý kiến của bên yêu cầu tại các bản tự bảo vệ và tại các phiên họp giải quyết tranh chấp được phản ánh không đầy đủ các trách nhiệm của bên mua nên dẫn tới Phán quyết có nội dung trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

- HĐTT vụ tranh chấp 49/22 đã không khách quan khi không nêu đầy đủ, không phản ánh rõ bên yêu cầu không đồng ý với nội dung yêu cầu hủy một phần hợp đồng của bên liên quan tại bản tự bảo vệ bổ sung lần thứ 4, và tại phiên họp giải quyết lần 1 khi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu căn cứ Điều 421 Bộ luật dân sự về việc sửa đổi hợp đồng, Điều 56 Luật thương mại về trách nhiệm nhận hàng của bên mua, Điều 294 Luật thương mại về việc miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm của bên yêu cầu (do bên yêu cầu không nhận hàng hóa đã mua nên bị đơn không thể giao được hàng, không phải chậm giao hàng như nguyên đơn đã nêu trong các bản nêu ý kiến), PQTT đã không phản ánh các ý kiến tự bảo vệ này của bên yêu cầu theo Luật thương mại nên dẫn tới việc ra Phán quyết không chính xác, không công bằng khi đồng ý hủy bỏ một phần hợp đồng mua bán của bên liên quan.

2. Theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Bộ luật dân sự 2015 quy định "Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Bộ luật này và điều ước quốc tế mà nước Việt Nam là thành viên về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

Tại Điều 6 Hợp đồng số 01 quy định "Hợp đồng này điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam". Tuy nhiên, HĐTT vụ tranh chấp số 49/22 đã áp dụng Công ước viên Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa (sau đây gọi tắt là CISG) để áp dụng CISG để ra PQTT, tuyên hủy một phần hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên yêu cầu trong khi pháp luật Việt Nam có đầy đủ các quy định liên quan đến việc mua bán hàng hóa có tranh chấp tại vụ tranh chấp số 49/22, đặc biệt quy định về trách nhiệm của bên bán và bên mua là phải thanh toán và có trách nhiệm nhận hàng theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 và Luật thương mại không có khác nhau với CISG, và điều đặc biệt quan trọng là hai bên không thỏa thuận áp dụng CISG điều chỉnh giao dịch.

Bên bán và bên mua phải thực hiện đúng, đầy đủ các các nguyên tắc cơ

bản của pháp luật Việt Nam quy định tại khoản 5 Điều 3 Bộ luật dân sự 2015, trong khi vụ tranh chấp số 49/22 bên liên quan đã có thỏa thuận, thống nhất với yêu cầu về các thay đổi phương thức giao hàng nhưng không thực hiện các trách nhiệm của bên liên quan là thực hiện các thủ tục, điều kiện nhận hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam, bên liên quan đã yêu cầu giảm giá, giảm giá không được thì đòi tiền hàng đã mua bằng nhiều phương thức trái với thỏa thuận của các bên về việc giải quyết tranh chấp như tố cáo người đại diện theo pháp luật của bên yêu cầu ra cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang có hành vi chiếm đoạt tiền mua bán khẩu trang, vi phạm nghĩa vụ sửa đổi, bổ sung hợp đồng các thay đổi đã thống nhất bằng thư điện tử, hình thức giao kết hợp đồng được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

3. PQTT vụ tranh chấp số 49/22 chấp nhận một phần việc bên liên quan không phải hợp pháp hóa các tài liệu giấy tờ có yếu tố nước ngoài khi tiến hành khởi kiện vụ tranh chấp số 49/22 tại Trung tâm trọng tài V vì Luật TTTM và các văn bản pháp luật khác về Trọng tài thương mại không có quy định nào yêu cầu các giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức cá nhân có yêu tố nước ngoài phải hợp pháp hóa lãnh sự. Tuy nhiên, HĐTT vụ tranh chấp số 49/22 không viện dẫn được điều khoản nào của Luật TTTM và các quy định liên quan đến Trọng tài thương mại, Điều ước quốc tế quy định khi các tài liệu có yếu tố nước ngoài tiến hành tố tụng trọng tài tại Việt Nam không cần phải hợp pháp pháp hóa lãnh sự khi yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Bên yêu cầu đã có văn bản yêu cầu HĐTT giải thích rõ Trung tâm trọng tài V, HĐTT vụ tranh chấp số 49/22 có phải là cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam không, có phải tuân thủ pháp luật Việt Nam khi thực hiện việc xem xét một cách cẩn trọng cần thiết các căn cứ khởi kiện, thẩm quyền ký đơn khởi kiện, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam để ra các Phán quyết một cách công bằng, cẩn trọng, các quyền và lợi ích hợp pháp của cả hai bên (nếu không viện dẫn được quy định, đề nghị HĐTT giải thích rõ thẩm quyền nào cho phép HĐTT cho rằng các yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đơn khởi kiện của bên liên quan là không có cơ sở, giải thích về tính khách quan của HĐTT tại vụ kiện này về việc không yêu cầu bên liên quan hợp pháp hóa lãnh sự đơn khởi kiện mặc dù các tài liệu khác thì chấp nhận yêu cầu của bên yêu cầu, tuy nhiên cho đến nay bên yêu cầu vẫn chưa nhận được giải thích của HĐTT về các yêu cầu này.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 để được công nhận và sử dụng các giấy tờ tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự về yêu cầu chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự để phục vụ cho mục đích khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng. HĐTT không yêu cầu bên liên quan hợp pháp hóa lãnh sự đơn khởi kiện là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bên yêu cầu theo pháp luật Việt Nam.

4. Bên yêu cầu đã có văn bản đề nghị HĐTT vụ 49/22 giải thích rõ mục 42 PQTT vụ tranh chấp số 49/22 trong đó các nội dung "về việc yêu cầu tuyên hủy một phần hợp đồng liên quan đến 600.000 chiếc khẩu trang chưa được giao do vi phạm nghĩa vụ giao hàng…." HĐTT vụ tranh chấp số 49/22 căn cứ vào quy định của pháp luật nào, cũng như chứng cứ nào của nguyên đơn và bị đơn cung cấp để xác định bên yêu cầu đã chậm giao hàng, vi phạm nghĩa vụ cơ bản của hợp đồng không giao hàng, trên thực tế đã không giao hàng, trong khi thực tế thực hiện hợp đồng mua bán, bên yêu cầu đã giao hàng hai (02) lần theo thỏa thuận giữa hai bên tại Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng, đồng thời đã thống nhất và thỏa thuận với bên liên quan về việc giao hàng thành nhiều lần và chuyển phương thức giao hàng từ đường hàng không sang đường biển.

Theo các chứng cứ bên yêu cầu đã cung cấp, hai bên đã có nhiều thống nhất về các nội dung của việc thực hiện hợp đồng thông qua các thư điện tử về các nội dung mới của việc thực hiện hợp đồng mua bán như nhãn hàng, bao bì, trong đó có các thống nhất thay đổi quan trọng về việc giao hàng qua đường biển.

Theo các chứng cứ bên yêu cầu cung cấp, không có căn cứ để xác định bên yêu cầu giao hàng chậm, bên yêu cầu không vi phạm nghĩa vụ cơ bản là giao hàng chậm, chỉ có các căn cứ thể hiện bên liên quan đã vi phạm các nghĩa vụ của bên mua tại Điều 6 Hợp đồng, vi phạm thỏa thuận về xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp để yêu cầu bên yêu cầu hoàn trả tiền mua hàng đã thanh toán mua hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tuy nhiên, theo phân tích của HĐTT tại mục 42 HĐTT không có nội dung này, bên yêu cầu đã trình bày rõ ràng và đầy đủ tại phiên họp giải quyết và các bản tự bảo vệ từ lần thứ nhất đến lần thứ tư. Phân tích này của HĐTT đã không khách quan khi tách 200.000 chiếc khẩu trang đã thỏa thuận và được giao cho bên liên quan với 600.000 chiếc không nhận hàng và đòi lại số tiền đã thanh toán là không xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, các quy định của pháp luật Việt Nam để đưa ra nhận định và ra Phán quyết có tính chất không đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Bên yêu cầu đã đề nghị HĐTT sửa đổi, bổ sung nội dung Phán quyết tại mục 52 về việc yêu cầu bác đơn khởi kiện của bên liên quan với lý do đã nêu trong Phán quyết là không đúng với ý chí của bên yêu cầu tại các bản tự bảo vệ và các trình bày của bên yêu cầu, bên yêu cầu luôn khẳng định không có việc giao hàng chậm, không có lỗi trong việc bên liên quan không nhận được hàng hóa, bên liên quan đã có lỗi trong việc không giao được hàng hóa do việc đã thống nhất với bị đơn về các nội dung mới của giao dịch thương mại qua các thư điện tử, các thông điệp điện tử nhưng không thực hiện các trách nhiệm của bên mua, không thực hiện nghĩa vụ nhận hàng, không tạo điều kiện cần thiết theo

Luật thương mại, chỉ có mục tiêu duy nhất đòi lại số tiền đã thanh toán mua hàng, vì bên liên quan có lỗi trong việc không thể giao hàng được nên bên yêu cầu đương nhiên được miễn nghĩa vụ theo quy định tại điểm c Điều 294 Luật thương mại, bên yêu cầu có căn cứ để hiểu rằng HĐTT đã không xem xét đến quy định đã nêu trên của pháp luật Việt Nam khi ra PQTT vụ tranh chấp số 49/22, trái với những nguyên tắc cơ bản của Bộ luật dân sự quy định tại khoản 5 Điều 3 Bộ luật dân sự "Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự". Tuy nhiên, đến nay bên yêu cầu vẫn chưa nhận được các Phán quyết bổ sung của HĐTT về đề nghị này.

- Về Phán quyết bên yêu cầu phải trả cho bên liên quan một phần phí Luật sư là 24.255.000 VNĐ, Phán quyết này trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam quy định tại khoản 5 Điều 3 Bộ luật dân sự về việc cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự. Nguyên đơn đã giao kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý, các bên trong hợp đồng không thỏa thuận về phí Luật sư. Tuy nhiên, HĐTT vụ tranh chấp số 49/22 vẫn yêu cầu bên yêu cầu phải có nghĩa vụ trả phí Luật sư cho các thỏa thuận của bên liên quan. Phán quyết này không phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, không có thỏa thuận tại Điều 6 Hợp đồng mua bán.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 68 Luật TTTM, đề nghị Tòa án tuyên hủy PQTT vụ tranh chấp số 49/22 do Trung tâm trọng tài V ban hành ngày 23/6/2023.

Bên liên quan do người đại diện hợp pháp trình bày:

Bên yêu cầu cho rằng HĐTT không phản ánh đầy đủ nội dung ý kiến trong các bản tự bảo vệ của bên yêu cầu dẫn tới đưa ra Phán quyết không chính xác. Bên liên quan có ý kiến như sau:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật TTTM, nội dung PQTT có thể bao gồm (i) tóm tắt đơn khởi kiện và các vấn đề tranh chấp; và (ii) Căn cứ để ra phán quyết, trừ khi các bên có thoả thuận không cần nêu căn cứ trong Phán quyết. Theo đó, PQTT không nhất thiết phải đưa toàn bộ lập luận của các bên vào nội dung.

Mặt khác, các mục 24, 25, 26, 31 và 32 của Phán quyết vụ tranh chấp số 49/22 cũng đã nêu tóm tắt quan điểm của bên yêu cầu trong bản tự bảo vệ và các phiên họp giải quyết tranh chấp. Trong các phiên họp, HĐTT cũng đã tạo điều kiện để các bên trình bày đầy đủ ý kiến, lập luận. Do đó, căn cứ trên của bên yêu cầu là không có cơ sở.

Bên yêu cầu cho rằng HĐTT không được áp dụng Công ước của Liên hợp

quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ("CISG"). Tuy nhiên, bên liên quan cho rằng cơ sở áp dụng CISG đã được phản ánh đầy đủ tại mục 40 PQTT. Do đó, căn cứ trên của bên yêu cầu là không có cơ sở.

Bên yêu cầu cho rằng HĐTT đã không yêu cầu bên liên quan hợp pháp hóa lãnh sự các giấy tờ có yếu tố nước ngoài. Bên liên quan có ý kiến làm rõ như sau:

Tại mục 35 và 36 Phán quyết vụ tranh chấp số 49/22, HĐTT đã yêu cầu bên liên quan cung các giấy tờ hợp pháp hóa lãnh sự. Theo yêu cầu của HĐTT, bên liên quan đã cung cấp Thư ủy quyền được hợp pháp hóa lãnh sự đề ngày 05/01/2023 của ông J là người đại diện theo pháp luật của bên liên quan cho ông Lưu Hoàng H1 và bà Lê Quỳnh A trong đó bên liên quan "*xác nhận và phê duyệt bất kỳ công việc nào mà các đại diện theo ủy quyền đã hoặc sẽ thực hiện hoặc có ý định thực hiện một cách hợp pháp theo giấy ủy quyền này, bao gồm việc xác nhận và phê chuẩn bất kỳ công việc nào đã được thực hiện một cách trung thực và ngay tình thay mặt cho Công ty thực hiện và hoàn thành các công việc được ủy quyền*". Như vậy, nội dung ủy quyền này đã bao gồm các công việc mà các đại diện theo ủy quyền bao gồm cả việc ký đơn khởi kiện trước ngày của Giấy ủy quyền được hợp pháp hóa lãnh sự.

Tại phiên họp giải quyết tranh chấp ngày 03/3/2023, Trọng tài viên Phan Chí H có giải thích một số cơ sở pháp lý để chấp nhận thư ủy quyền nêu trên của bên liên quan như sau: theo các quy định tại khoản 2 Điều 4 và khoản 4 Điều 9 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP, giấy tờ, tài liệu mà cơ quan tiếp nhận của Việt Nam không yêu cầu phải hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự phù hợp với quy định pháp luật của Việt Nam sẽ không cần phải được hợp pháp hóa lãnh sự để được công nhận và sử dụng tại Việt Nam. Điều 32 Luật TTTM quy định: *"Nếu các bên không có thoả thuận khác hoặc quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài không có quy định khác, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, các tài liệu kèm theo và chứng từ nộp tạm ứng phí Trọng tài, Trung tâm trọng tài phải gửi cho bị đơn bản sao đơn khởi kiện của nguyên đơn và những tài liệu theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Luật này."*

Trong trường hợp này, Trung tâm trọng tài V là cơ quan tiếp nhận hồ sơ khởi kiện của bên liên quan. Do đó, ngoại trừ các tài liệu cần được hợp pháp hóa lãnh sự theo yêu cầu của Trung tâm trọng tài V, các giấy tờ tài liệu, các văn bản khác không cần phải hợp pháp hoá lãnh sự nếu Trung tâm trọng tài V không yêu cầu.

Về thời hạn ủy quyền, Điều 563 Bộ luật dân sự 2015 cũng quy định thời hạn ủy quyền do các bên thỏa thuận. Điều 142 Bộ luật dân sự 2015 cũng ghi nhận giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện vẫn làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện nếu người được đại

diện đã công nhận giao dịch.

Bên yêu cầu cũng đã hoàn toàn hiểu rõ và không có ý kiến gì với giải thích của Trọng tài viên Phan Chí H. Toàn bộ các nội dung liên quan đến việc hợp pháp hóa lãnh sự tài liệu đã được HĐTT giải thích và ghi nhận đầy đủ tại các Mục 35, 36 và 37 của PQTT. Do đó, căn cứ trên của bên yêu cầu là không có cơ sở.

Bên yêu cầu cho rằng HĐTT đã không khách quan, vô tư khi xem xét giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, việc HĐTT tách phần hợp đồng đã được thực hiện liên quan đến 200.000 chiếc khẩu trang và phần hợp đồng liên quan đến 600.000 chiếc khẩu trang không trái với quy định của pháp luật Việt Nam và CISG. HĐTT cũng đã nêu đầy đủ căn cứ pháp lý (theo CISG và theo Luật thương mại) để nhận định về quyền hủy phần hợp đồng liên quan đến 600.000 chiếc khẩu trang chưa được giao. Các vấn đề do bên liên quan đưa ra về tranh chấp giữa các bên về thay đổi phương thức giao hàng, thời hạn giao hàng, giá hàng và việc không ký được Phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng đã được HĐTT ghi nhận và phân tích tại Mục 44 của PQTT. Do đó, không có cơ sở để cho rằng HĐTT không độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của pháp luật khi giải quyết vụ việc. Căn cứ trên của Bên yêu cầu là không có cơ sở.

Bên yêu cầu cho rằng việc HĐTT không bác đơn khởi kiện của bên liên quan là trái với nguyên tắc của pháp luật Việt Nam do bên yêu cầu không có lỗi và phải được miễn trừ trách nhiệm. Tuy nhiên, rõ ràng HĐTT đã xem xét đầy đủ nội dung các chứng cứ và trình bày của các bên và nêu cụ thể từ Mục 41 đến 55 của PQTT và chỉ ra rõ ràng trách nhiệm của bên yêu cầu. Căn cứ trên của bên yêu cầu là rất khó hiểu và không có cơ sở.

Bên yêu cầu cho rằng việc HĐTT buộc bên yêu cầu thanh toán một phần phí Luật sư là trái với nguyên tắc cơ bản của Luật Việt Nam. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 36 Quy tắc Trung tâm trọng tài V có quy định: "*HĐTT có quyền quyết định một bên phải trả toàn bộ hoặc một phần chi phí pháp lý hoặc chi phí hợp lý khác của bên kia."* Căn cứ trên của bên yêu cầu là không có cơ sở.

Bên liên quan đề nghị Hội đồng xét đơn không chấp nhận yêu cầu hủy PQTT vụ tranh chấp số 49/22 do không có cơ sở để kết luận Phán quyết trên vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Tại phiên họp xét đơn yêu cầu hủy PQTT

Bên yêu cầu đã trình bày lại nội dung đã nêu trong Đơn yêu cầu hủy PQTT và đề nghị Hội đồng xét đơn hủy PQTT do vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều 68 Luật TTTM được quy định trong Bộ luật dân sự 2015 và Luật thương mại.

Bên liên quan giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án trong quá

trình chuẩn bị giải quyết Đơn yêu cầu hủy PQTT và đề nghị Hội đồng xét đơn không chấp nhận yêu cầu hủy PQTT của bên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: về đơn yêu cầu huỷ PQTT nộp đúng thời gian luật định. Bên yêu cầu đã nộp lệ phí xét đơn nên việc thụ lý việc kinh doanh thương mại là đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét đơn đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng, đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung yêu cầu hủy PQTT: bên yêu cầu cho rằng HĐTT đã ra Phán quyết có nội dung trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, nhưng không chỉ rõ ra được là trái nguyên tắc cơ bản nào.

Bên yêu cầu cho rằng trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Bộ luật này và điều ước quốc tế mà nước Việt Nam là thành viên về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế. Vấn đề này PQTT đã nêu ra và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Về vấn đề HĐTT không yêu cầu bên liên quan phải hợp pháp hóa lãnh sự đơn khởi kiện, thì theo quy định tại Nghị định số 111/2011/NĐ- CP ngày 05/12/2011, đơn khởi kiện không phải là giấy tờ bắt buộc phải hợp pháp hóa lãnh sự. Trong PQTT đã có nhận định về vấn đề này và phù hợp với quy định của pháp luật.

Bên yêu cầu đã có văn bản đề nghị HĐTT vụ 49/22 giải thích rõ mục 42 PQTT vụ tranh chấp số 49/22 trong đó các nội dung "về việc yêu cầu tuyên hủy một phần hợp đồng liên quan đến 600.000 chiếc khẩu trang chưa được giao do vi phạm nghĩa vụ giao hàng…." HĐTT đã không giải thích, vấn đề này thuộc về nội dung vụ tranh chấp và HĐTT đã có nhận định và gải quyết trong PQTT.

Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét đơn không chấp nhận yều cầu hủy PQTT và bên yêu cầu phải chịu lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Sau khi xem xét Đơn yêu cầu hủy PQTT và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc, ý kiến của những người được Tòa án triệu tập đến phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội, Hội đồng xét đơn nhận định:

[2] *Về tố tụng:* ngày 23/6/2023, Trung tâm trọng tài V ban hành PQTT vụ tranh chấp số 49/22. Ngày 18/7/2023, bên yêu cầu nộp đơn yêu cầu hủy PQTT theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm g khoản 2, khoản 3 Điều 7 và Điều 69 Luật TTTM, việc nộp đơn yêu cầu hủy PQTT là trong thời

hạn và Tòa án nhân dân TP Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] *Về nội dung yêu cầu hủy PQTT:* xét các căn cứ mà bên yêu cầu đưa ra để đề nghị Tòa án hủy PQTT, Hội đồng xét đơn thấy:

[4] Bên yêu cầu cho rằng PQTT trái với nguyên tắc Trọng tài viên phải tuân theo quy định của pháp luật quy định trong Luật TTTM là một trong các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam và đủ điều kiện Tòa án hủy theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 68 Luật TTTM. Cụ thể bên yêu cầu cho rằng HĐTT không phản ánh đầy đủ nội dung ý kiến trong các bản tự bảo vệ của bên yêu cầu dẫn tới đưa ra Phán quyết không chính xác. Hội đồng xét đơn thấy rằng đây thuộc về nội dung vụ án mà HĐTT đã xét xử, theo quy định tại Điều 71 Luật TTTM thì Hội đồng xét đơn không giải quyết lại nội dung vụ án nên yêu cầu này của bên yêu cầu không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Bên yêu cầu cho rằng HĐTT không được áp dụng Công ước của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ("CISG") để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Hội đồng xét đơn thấy trong PQTT đã có nhận định về vấn đề này và việc áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ tranh chấp là thuộc về nội dung vụ án và Tòa án không được xem xét lại vụ tranh chấp mà HĐTT đã xét xử theo quy định tại Điều 71 Luật TTTM, nên căn cứ này của bên yêu cầu đưa ra là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Bên yêu cầu cho rằng HĐTT đã không yêu cầu bên liên quan hợp pháp hóa lãnh sự các giấy tờ có yếu tố nước ngoài. Hội đồng xét đơn thấy là tại mục 35 và 36 Phán quyết vụ tranh chấp số 49/22, HĐTT đã yêu cầu bên liên quan cung các giấy tờ hợp pháp hóa lãnh sự. Theo yêu cầu của HĐTT, bên liên quan đã cung cấp Thư ủy quyền được hợp pháp hóa lãnh sự đề ngày 05/01/2023 của ông J là người đại diện theo pháp luật của bên liên quan cho ông Lưu Hoàng H1 và bà Lê Quỳnh A trong đó bên liên quan "xác nhận và phê duyệt bất kỳ công việc nào mà các đại diện theo ủy quyền đã hoặc sẽ thực hiện hoặc có ý định thực hiện một cách hợp pháp theo giấy ủy quyền này, bao gồm việc xác nhận và phê chuẩn bất kỳ công việc nào đã được thực hiện một cách trung thực và ngay tình thay mặt cho Công ty thực hiện và hoàn thành các công việc được ủy quyền". Như vậy, nội dung ủy quyền này đã bao gồm các công việc mà các đại diện theo ủy quyền bao gồm cả việc ký đơn khởi kiện trước ngày của Giấy ủy quyền bản được hợp pháp hóa lãnh sự. Như vậy, việc bên liên quan đã có hợp pháp hóa Thư ủy quyền đã bao hàm cả nội dung các văn bản trước đó là Đơn khởi kiện nên không cần thiết phải hợp pháp hóa Đơn khởi kiện.

[7] Ngoài ra, theo quy định của khoản 4 Điều 9 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP cũng quy định những giấy tờ, tài liệu mà cơ quan tiếp nhận của Việt Nam không yêu cầu phải hợp pháp hóa lãnh sự. Trong vụ án này Đơn

khởi kiện của nguyên đơn, Trung tâm trọng tài V là cơ quan tiếp nhận và không yêu cầu phải hợp pháp hóa lãnh sự theo quy tắc trọng tài thì không nhất thiết phải hợp pháp hóa lãnh sự. Do đó, căn cứ trên của bên yêu cầu là không có cơ sở.

[8] Bên yêu cầu cho rằng HĐTT đã không khách quan, vô tư khi xem xét giải quyết vụ việc khi HĐTT tách phần hợp đồng đã được thực hiện liên quan đến 200.000 chiếc khẩu trang và phần hợp đồng liên quan đến 600.000 chiếc khẩu trang không trái với quy định của pháp luật Việt Nam và CISG. Về ý kiến này thuộc về nội dung vụ án nên theo quy định tại điều 71 Luật TTTM, Hội đồng xét đơn không có đủ cơ sở để chấp nhận vì phiên họp hôm nay không phải là để xét xử lại vụ án mà HĐTT đã xét xử.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét đơn thấy không có căn cứ để hủy PQTT vụ tranh chấp số 49/22.

[10] *Về lệ phí:* bên yêu cầu phải chịu lệ phí xét đơn yêu cầu hủy PQTT theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 31, Điều 414 và Điều 415 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 3, 4, 7, 68, 69, 70, 71 và 72 Luật trọng tài thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 49/22 ngày 23/6/2023 của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam về việc giải quyết vụ tranh chấp, giữa:

Nguyên đơn: **Công ty E**

Trụ sở: số 2892 N Bellflower Suite 470, Long Beach, CA 90815, Hoa Kỳ. Người đại diện theo pháp luật: ông J, Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Quỳnh A, ông Lưu Hoàng H1, ông Trần Quang H2 (địa chỉ số 118, ngõ 203 phố Q, phường N, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội).

Bị đơn: **Công ty TNHH T**

Trụ sở: thôn M, xã Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Người đại diện theo pháp luật: bà Lê Thị T1, Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Khắc N (địa chỉ Tòa nhà S, khu đô thị V, phường T, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội).

2. Về lệ phí: Công ty TNHH T phải chịu 500.000 (năm trăm nghìn) đồng lệ phí yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai số 0002642 ngày 27/9/2023 của Cục thi hành án dân sự TP Hà Nội.

3. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các bên đương sự, Hội đồng trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị.

NỘI DUNG ÁN LỆ

"[6] Bên yêu cầu cho rằng HĐTT đã không yêu cầu bên liên quan hợp pháp hóa lãnh sự các giấy tờ có yếu tố nước ngoài. Hội đồng xét đơn thấy là tại mục 35 và 36 Phán quyết vụ tranh chấp số 49/22, HĐTT đã yêu cầu bên liên quan cung các giấy tờ hợp pháp hóa lãnh sự. Theo yêu cầu của HĐTT, bên liên quan đã cung cấp Thư ủy quyền được hợp pháp hóa lãnh sự đề ngày 05/01/2023 của ông J là người đại diện theo pháp luật của bên liên quan cho ông Lưu Hoàng H1 và bà Lê Quỳnh A trong đó bên liên quan "xác nhận và phê duyệt bất kỳ công việc nào mà các đại diện theo ủy quyền đã hoặc sẽ thực hiện hoặc có ý định thực hiện một cách hợp pháp theo giấy ủy quyền này, bao gồm việc xác nhận và phê chuẩn bất kỳ công việc nào đã được thực hiện một cách trung thực và ngay tình thay mặt cho Công ty thực hiện và hoàn thành các công việc được ủy quyền". Như vậy, nội dung ủy quyền này đã bao gồm các công việc mà các đại diện theo ủy quyền bao gồm cả việc ký đơn khởi kiện trước ngày của Giấy ủy quyền bản được hợp pháp hóa lãnh sự. Như vậy, việc bên liên quan đã có hợp pháp hóa Thư ủy quyền đã bao hàm cả nội dung các văn bản trước đó là Đơn khởi kiện nên không cần thiết phải hợp pháp hóa Đơn khởi kiện.

[7] Ngoài ra, theo quy định của khoản 4 Điều 9 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP cũng quy định những giấy tờ, tài liệu mà cơ quan tiếp nhận của Việt Nam không yêu cầu phải hợp pháp hóa lãnh sự. Trong vụ án này Đơn khởi kiện của nguyên đơn, Trung tâm trọng tài V là cơ quan tiếp nhận và không yêu cầu phải hợp pháp hóa lãnh sự theo quy tắc trọng tài thì không nhất thiết phải hợp pháp hóa lãnh sự. Do đó, căn cứ trên của bên yêu cầu là không có cơ sở."

……

LÝ DO ĐỀ XUẤT ÁN LỆ

Trong Luật Trọng tài thương mại năm 2010 không có quy định yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu được lập ở nước ngoài khi nộp tại Trọng tài Việt Nam. Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự cũng không có quy định yêu yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu được lập ở nước ngoài khi được nộp tại Trọng tài

Việt Nam.

Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, một số Thẩm phán yêu cầu các giấy tờ, tài liệu nêu trên phải hợp pháp hóa lãnh sự với hệ quả là một số phán quyết trọng tài đã bị hủy khi Trọng tài không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự các giấy tờ, tài liệu đó. Thực tiễn như vậy đã gây hoang mang lớn, không phù hợp với thông lệ quốc tế trong hoạt động thương mại và Trọng tài quốc tế, cũng không phù hợp với các văn bản pháp luật nêu trên. Do đó, cần có án lệ để thống nhất áp dụng pháp luật.

Quyết định của Tòa án nhân dân TP Hà Nội nêu trên có nội dung phù hợp với Luật Trọng tài thương mại, Nghị định số 111/2011/NĐ- CP ngày 05/12/2011 về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự. Hướng trong Dự thảo án lệ cũng phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc giải quyết tranh chấp tại Trọng tài và có yếu tố linh hoạt cao khi cho phép Quy tắc tố tụng trọng tài yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu được nộp tại Trọng tài. Do đó, việc phát triển án lệ về vấn đề này là cần thiết, góp phần đảm bảo hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài ở Việt Nam hiệu quả, nhanh gọn.

.